

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Phan Văn Tạo.

2/. Ông Đỗ Ngọc Cận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1973, (có mặt).

Địa chỉ cư trú: đường P, khóm 3, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969, (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: đường P, khóm 3, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2021 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim H tại phiên tòa thì:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành

phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 11/01/2000. Trong quá trình chung sống, từ năm 2010 đến năm 2015 thì ông bà thường xuyên cãi vã và thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm trong cách dạy con, sinh hoạt. Ông H không quan tâm, chăm sóc vợ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Ông bà không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2016 đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H có một (01) người con chung tên Nguyễn Hải Y (nữ, sinh ngày 10/06/2002).

Về tài sản chung: Căn nhà tọa lạc đường P, khóm 3, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Do em Nguyễn Hải Y (nữ, sinh ngày 10/06/2002) đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn H tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2021 thì:*

Ông Nguyễn Văn H thống nhất với ý kiến của bà H về thời gian chung sống, về thời điểm đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn thì theo ông H trình bày là trong thời gian chung sống do bà H thường xuyên đi sớm về khuya, không có thời gian chăm sóc chồng và con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, do ông H mong muốn cho con có đầy đủ cha mẹ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung thì ông H thống nhất trình bày của bà H, không có yêu cầu gì.

*Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn là ông Nguyễn Văn H, xét thấy tại phiên tòa bị đơn là ông H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt ông H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn H, thấy rằng: Bà H và ông H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2000 tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 01/99 nên hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do ông H không quan tâm, chăm sóc vợ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Phía bị đơn cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bà H thường xuyên đi sớm về khuya nên không có thời gian chăm sóc chồng và con. Tuy nhiên, bà H và ông H đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Từ năm 2016 đến nay ông, bà không còn sống chung như vợ chồng. Như vậy, thể hiện cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Đối với bị đơn ông H, ông không đồng ý ly hôn với bà H vì cho rằng ông thương con và muốn con có cả cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông H đến làm việc và hòa giải nhưng ông không đến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ ông H không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Nên việc ông H không đồng ý ly hôn với bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H thống

nhất trình bày trong thời gian chung sống ông bà có một (01) người con chung tên Nguyễn Hải Y (nữ, sinh ngày 10/06/2002) đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày trong thời gian chung sống có tạo lập được căn nhà tọa lạc số 5/19, đường Phạm Hùng, khóm 3, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông bà thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Do em Nguyễn Hải Y (nữ, sinh ngày 10/06/2002) đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền 300.000 đồng; Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0005009 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 8, TPS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lê Phước Tài**

